

Trong hoạt động ngân hàng, vốn thừa là chuyện bình thường nhưng thừa ở mức độ bao nhiêu là tốt. Xét về mặt điều hành, nếu tỷ lệ sử dụng vốn chiếm 70% - 80% tài sản có của mỗi NH là lý tưởng. Nếu tỷ lệ đó càng thấp thì càng ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh. Ngược lại nếu quá cao sẽ ảnh hưởng đến mức độ an toàn trong thanh toán. Đối với các nước có nền kinh tế thị trường phát triển, điều đó được giải quyết trên thị trường vốn, cụ thể là thị trường liên ngân hàng. Nhưng con số vốn thừa lên tới 2000 tỷ đồng trong các NHTM ở nước ta hiện nay (hết tháng 6 là 3000 tỷ đồng) với một số NH tỷ lệ sử dụng vốn chỉ đạt 55% - 58%...trong khi nền kinh tế thiếu vốn thì rõ ràng là chuyện không thể coi là bình thường được.

Từ đầu năm 1996 đến nay, mặc dù các NHTM đồng loạt nhiều lần hạ lãi suất tiền gửi xuống mức thấp nhất từ trước đến nay, nhưng nguồn vốn huy động của các NHTM vẫn tăng nhanh. Riêng hệ thống ngân hàng

nhiều L/C chậm trả cho các doanh nghiệp trong nước nhập hàng tiêu dùng. Họ bán hàng thu tiền VN sau đó gửi vào NH. Tương tự, theo báo cáo của chi nhánh NHNN TP.Hà Nội tổng giá trị của 18 L/C trả chậm của các NH Hà Nội trong 6 tháng là 114,5 triệu USD. Báo cáo của chi nhánh NHNN TP.HCM cũng cho hay trong 6 tháng đầu năm các doanh nghiệp đã được bảo lãnh mở L/C trả chậm nước ngoài với số tiền tới 500 triệu USD với thời hạn 12 tháng để nhập hàng tiêu dùng. Ông Vũ Đức Nhuận - Phó tổng giám đốc NHTM cổ phần Hàng Hải tiết lộ, một doanh nghiệp đề nghị NH ông bảo lãnh mở L/C chậm trả với trị giá tới hơn 4 triệu USD để nhập hàng tiêu dùng.

Phân tích về nguyên nhân của tình trạng vốn huy động của các NHTM tăng nhanh, ông Ngô Thế Mạn, giám đốc Chi nhánh NH công thương Ngô Quyền (Hải Phòng) cho rằng, giờ đây người dân không biết đầu tư tiền vào đâu, kinh doanh cái gì, nên tốt nhất là họ gửi vào NH hưởng lãi cho chắc ăn.

Tuy nhiên, theo chúng tôi thì ngoài các nguyên nhân nói trên, thì còn do một số bộ phận dân cư có thu nhập tăng lên, mang lưới NHTM và quỹ tích tụ nhân dân phát triển rộng đến tất cả các địa bàn dân cư, Tỷ giá ngoại tệ ổn định, nhưng lãi suất tiền gửi trong nước lại có tới 10 - 12%/năm, cao hơn rất nhiều so với các nước trên thế giới nên một lượng lớn tiền kiều hối, tiền quà biếu...của người VN ở nước ngoài chuyển về cho thân nhân trong nước, sau đó chuyển sang nội tệ gửi vào ngân hàng. Bởi vì, thời gian qua ngành thuế chưa thực hiện thu thuế thu nhập không thường xuyên đối với kiều hối. Trong khi đó, các năm trước đây kho bạc nhà nước trực tiếp phát hành trái phiếu kho bạc với lãi suất cao hơn lãi suất ngân hàng, nên mỗi năm thu hút được từ 3000 - 4000 tỷ đồng của dân chúng mua trái phiếu kho bạc. Nhưng từ đầu năm đến nay kho bạc nhà nước ngừng phát hành trái phiếu kho bạc ra công chúng, mà chỉ thực hiện đấu thầu qua ngân hàng nhà nước với số lượng rất hạn chế là 820 tỷ VND).

TAI SAO LẠI CÓ CHUYỆN THỪA VỐN?

công thương VN, từ tháng 1 đến đầu tháng 10.96, đã chín lần hạ lãi suất tiền gửi, đến nay chỉ còn 0,3%/tháng đối với tiền gửi không kỳ hạn, 0,4% với tiền gửi kỳ hạn 3 tháng giảm hơn 1/2 so với mức lãi suất lần lượt là 0,7%, 1,1% và 1,4% cuối năm 1995. Nhiều NHTM khác đã ngừng việc nhận tiền gửi kỳ hạn 3 tháng trở lên. Chỉ tính đến hết tháng 8.1996, nguồn vốn của các NHTM đã tăng hơn 9170 tỷ VND so với cuối năm 1995, và cho đến hết tháng 9, tình hình cũng chưa thay đổi đáng kể.

Theo ông Ngô Tuấn Kiệt, Tổng thư ký hiệp hội Ngân hàng VN, trong những tháng đầu năm 1996, nguồn vốn của các NHTM tiếp tục tăng nhanh là do hai nguyên nhân, lạm phát giảm còn 2,7% trong 7 tháng, giá trị đồng tiền VN ổn định, người dân tin tưởng vào hệ thống ngân hàng. Đồng thời, các NHTM mở

PTS. NGUYỄN ĐẮC HƯNG



Thêm vào đó, tín phiếu kho bạc và trái phiếu kho bạc phát hành trước đây nay đã đến hạn thanh toán, kho bạc nhà nước không nhận gửi tiếp nữa, mà trả lại người gửi nên người dân chỉ còn cách là nhận lại và gửi vào ngân hàng mà thôi. Ước tính trong 8 tháng đầu năm 1996, kho bạc nhà nước đã thanh toán trên 5500 tỷ đồng cả gốc và lãi số tín phiếu và trái phiếu KBNN đã đến hạn. Do đó trước đây kho bạc là một kênh quan trọng thu hút tiền nhàn rỗi trong xã hội nhưng nay chẳng những họ không thu hút mà còn đẩy trở lại lưu thông hàng nghìn tỷ đồng nên số tiền đó lại được chạy vào các NHTM là điều dễ hiểu. Ngoài ra còn một nguyên nhân khác là, các năm trước đây thị trường đất đai, bất động sản ở VN sôi động, nhiều người đầu tư tiền vốn vào đất đai, nhà cửa...Nhưng hiện nay thị trường bất động sản trì trệ, người ta



chỉ còn cách gửi tiền vào ngân hàng.

Nguồn vốn tăng nhanh, trong khi đó hoạt động cho vay của các NHTM gặp nhiều khó khăn. Theo Thống đốc NHNN Cao Sỹ Kiêm, có ba nguyên nhân của tình trạng các NHTM tồn đọng vốn. Thứ nhất là, vốn thừa là vốn ngắn hạn. Hai là, một số doanh nghiệp thiếu vốn nhưng lại không đủ điều kiện để vay, trong khi đó, nhiều doanh nghiệp khác lại không dám vay, vì lãi suất ngân hàng vẫn cao. Thứ ba là do tình hình có các phần tín dụng không hiệu quả ở các NH, nên một số NH muốn thu hẹp hoạt động cho vay để đảm bảo an toàn, sợ liên quan đến trách nhiệm cá nhân.

Tuy nhiên, theo chúng tôi thì ngoài ba nguyên nhân chính nói trên thì còn có các nguyên nhân quan trọng sau đây:

Thứ nhất là, các năm trước đây do kho bạc nhà nước trực tiếp phát hành trái phiếu với lãi suất cao, nên các NHTM cũng sử dụng một phần vốn của mình bao gồm cả vốn khả dụng đầu tư và trái phiếu kho bạc. Nay việc đầu tư này không còn nữa, đồng thời họ còn phải nhận lại trái phiếu kho bạc đã đến hạn thanh toán. Trong năm 1995, có thời điểm Ngân hàng ngoại thương VN đầu tư tới 400 tỷ đồng vào tín phiếu kho bạc. Một số NHTM khác cũng đầu tư là 150 - 200 tỷ đồng vào trái phiếu kho bạc.

Theo PTS. Trịnh Công Thắng, Phó tổng giám đốc NH công thương VN, thì nếu như cuối năm 1995 kho bạc nhà nước thanh toán ngay số trái phiếu kho bạc, thì các NHTM đã thừa tới gần 2000 tỷ đồng vốn rồi.

Thứ hai là, nhiều ngân hàng bị khống chế bởi hạn mức tín dụng nên

mặc dù họ có khách hàng làm ăn có uy tín, dự án kinh doanh có hiệu quả nhưng cũng không cho vay được.

Thứ ba là, trong thời gian hiện nay, Tổng thanh tra nhà nước, Thanh tra ngân hàng trung ương tiến hành đồng loạt việc thanh tra hoạt động kinh doanh của các NHTM. Trong khi đó, nhiều vụ việc tiêu cực của các ngân hàng thương mại và nhiều vụ khách hàng lừa đảo các ngân hàng bị phát hiện... là cho các NHTM sợ không cho vay. Tiếp xúc với cán bộ tín dụng ở các chi nhánh NHTM họ phản nản rằng giờ đây, công luận và các cơ quan chức năng bảo vệ NH, và ngay cả NH cũng ít bảo vệ cán bộ tín dụng. Khách hàng vay vốn làm ăn thua lỗ không trả được nợ ngân hàng, hoặc cố tình lừa đảo NH, nhưng cơ quan pháp luật và dư luận lại đổ lỗi cho NH v.v... nên nhiều cán bộ NH họ không dám cho vay, thậm chí không muốn làm tín dụng.

Thứ tư là, môi trường pháp lý vừa thiếu, vừa chồng chéo, không rõ ràng và nhiều sơ hở. Hai pháp lệnh ngân hàng được ban hành từ năm 1990 đến nay có nhiều điểm không còn phù hợp và cần phải nâng lên thành luật. Các thể lệ tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn, các quy định về thế chấp, cầm cố và bảo lãnh có nhiều điểm thiếu chặt chẽ, tạo kẽ hở cho cán bộ NH lợi dụng làm trái và khách hàng lợi dụng lừa đảo ngân hàng.

Thứ năm là, hoạt động cho vay của các NHTM VN chủ yếu dựa trên hình thức thế chấp tài sản, mà tài sản chủ yếu là đất đai, nhà cửa. Nhưng giấy tờ pháp lý của đất đai nhà cửa không bảo đảm, việc cho vay không an toàn, nên các NH không

dám cho vay.

Thứ sáu là, giá cả bất động sản ở VN giảm đáng kể, nên trước đây người vay tiền ngân hàng để đầu tư vào đất đai, nhà cửa, nhà hàng, khách sạn tư nhân v.v... bây giờ người ta không đầu tư vào bất động sản nữa mà tìm cách bán đi để trả nợ ngân hàng, làm cho nhu cầu vay vốn giảm hẳn. Trong khi đó tình hình hoạt động kinh doanh nói chung trong thời gian hiện nay rơi vào tình trạng hết sức khó khăn, hàng hóa tồn kho lớn, tiêu thụ chậm, diễn hình như trong lĩnh vực xi măng, giấy, phân bón, sắt thép v.v... Nhiều đơn vị vay vốn ngân hàng để kinh doanh, nhưng hàng không bán được, vốn đọng, không dám vay tiếp để kinh doanh. Đối với các đơn vị thi công, xây dựng, giao thông, đầu thầu thi công các công trình bằng nguồn vốn đầu tư của ngân sách nhà nước. Nhưng ngân sách chậm thanh toán nên họ không có nguồn để trả nợ ngân hàng và cũng không còn đủ điều kiện để tiếp tục vay mới.

Thứ bảy là, khả năng hấp thụ vốn của các doanh nghiệp VN giảm và họ không biết vay vốn để làm gì, kinh doanh ra sao. Nhiều doanh nghiệp chỉ trông chờ vào việc liên doanh với nước ngoài, góp vốn bằng quyền sử dụng đất đai.

Cuối cùng là, các doanh nghiệp VN đẩy mạnh việc vay vốn nước ngoài theo hình thức tự vay tự trả. Theo báo cáo của chi nhánh NHNN TP.HCM, trong 6 tháng đầu năm 1996, các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố đã vay được hơn 400 triệu đồng vốn nước ngoài, làm cho nhu cầu vay các NHTM trong nước lại càng bị thu hẹp.

Để giải quyết mâu thuẫn nói trên, theo chúng tôi cần thiết phải sớm xây dựng Luật ngân hàng, nâng các quy định về thế chấp, cầm cố, bảo lãnh lên thành các luật tương ứng. Đồng thời, VN cần khẩn trương tạo mọi điều kiện thúc đẩy thị trường vốn nhanh chóng phát triển. Nhân đây cũng cần nhắc lại ý kiến của Ngài Bradley C.Lalonde, Tổng giám đốc chi nhánh City Bank tại Hà Nội là: "VN đã có thị trường liên ngân hàng, thị trường này hoạt động khá tốt, NHTW cần để cho lãi suất trên thị trường liên ngân hàng điều tiết cung cầu vốn trên thị trường và điều tiết lãi suất trong nền kinh tế". Ngài C.Lalonde cũng cho rằng, "Cho vay có thế chấp tài sản không phải là giải pháp tốt nhất và hữu hiệu nhất. Vấn đề quan trọng là phải xem báo cáo tài chính của khách hàng đó trong ba năm gần nhất, hiệu quả của dự án vay vốn và khả năng trả nợ của khách hàng" ■